

Bản án số: 832/2023/HS-PT

Ngày: 30 - 10 - 2023

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Xuân Thành

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Bà Lê Thị Tuyết Trinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 536/2023/TLPT-HS ngày 24 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo Lâm Thị Huỳnh T; Do có kháng cáo của bị cáo Lâm Thị Huỳnh T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2023/HS-ST ngày 14 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1404/2023/QĐXXPT-HS ngày 13 tháng 10 năm 2023.

Bị cáo có kháng cáo:

Lâm Thị Huỳnh T, sinh ngày 23 tháng 12 năm 1984; Nơi cư trú: ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Công chức – Phòng Lao động Thương binh và Xã hội thành phố T; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Văn T1, sinh năm 1963 và bà Cao Thị Kim L, sinh năm 1965; chồng: Lâm Thanh D, sinh năm 1983; con có 01 người; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Lâm Thị Huỳnh T: Luật sư Âu Quang P và Luật sư Đỗ Thị Thu H thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

Trong vụ án này còn có 06 bị cáo khác cùng bị xét xử về tội “Tham ô tài sản” và tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí”, nhưng không có kháng cáo kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt cụ thể như sau:

Phòng Lao động - Thương binh và xã hội thành phố T là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân thành phố T được giao thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về lĩnh vực lao động, người có công và công tác xã hội, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng. Phòng Lao động - Thương binh và xã hội thành phố T thực hiện quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí tự chủ gồm: Nguồn kinh phí hoạt động quản lý Nhà nước; Nguồn kinh phí Giáo dục và Đào tạo; Nguồn kinh phí đảm bảo xã hội. Các nguồn kinh phí không tự chủ từ Ngân sách Nhà nước cấp cho Phòng Lao động - Thương binh và xã hội thành phố T quản lý, sử dụng theo dự toán đầu năm và cấp bổ sung. Từ năm 2018 đến năm 2019, Phòng Lao động - Thương binh và xã hội thành phố T hoạt động theo Quy chế số 01/QC-LĐT BXH, ban hành theo Quyết định số 3462/QĐ-UBND ngày 12/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T. Quá trình hoạt động, Phòng Lao động - Thương binh và xã hội thành phố T có ban hành Quyết định, Quy định quy chế chi tiêu nội bộ để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính.

Phòng Lao động - Thương binh và xã hội thành phố T có 07 biên chế, thực hiện nhiệm vụ theo Thông báo phân công nhiệm vụ số 01/TB-PLĐ, ngày 01/02/2017 và số 02/TB-PLĐ, ngày 20/02/2018 do Trưởng phòng ký ban hành gồm: Lê Thị Mỹ H1 – Trưởng phòng: Chủ tài khoản, phụ trách chung tất cả các hoạt động của cơ quan, trực tiếp chỉ đạo công tác cán bộ, quản lý kinh phí của đơn vị, công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, cải cách hành chính, công tác chính sách người có công, công tác đội Kiểm tra liên ngành 178, thu gom đối tượng ăn xin, lang thang, cơ nhỡ; Lê Thị Thanh L1 – Phó trưởng phòng: Được phân công giúp Trưởng phòng phụ trách công tác bảo trợ xã hội, giảm nghèo; Trần Văn Q – Phó Trưởng phòng: Được phân công giúp Trưởng phòng phụ trách công tác hoạt động chăm sóc trẻ em; Bình đẳng giới; Hội thảo việc làm; thành viên đội kiểm tra liên ngành 178, thu gom ăn xin, lang thang, cơ nhỡ; Nguyễn Thanh B – Kế toán đơn vị: Được phân công chịu trách nhiệm phụ trách theo dõi, Tổng hợp, dự toán, thanh quyết toán, quản lý thu chi tài khoản tại kho bạc tất cả các nguồn kinh phí của Phòng L; Thi Hải Y – Thủ quỹ: Được giao quản lý giữ tiền mặt tất cả các nguồn kinh phí hoạt động của đơn vị, giao dịch kho bạc Nhà nước rút tiền mặt, tạm ứng, chi các hoạt động đơn vị; kiêm văn thư, lưu trữ, phụ trách công tác thăm người khuyết tật và Bảo trợ xã hội; Đỗ Văn N – Công chức: Được giao phụ trách các hoạt động Đội kiểm tra liên ngành 178, thu gom đối tượng ăn xin lang thang cơ nhỡ; công tác giảm nghèo, lao động – việc làm, dạy nghề, tiền lương, tiền công bảo hiểm xã hội, công tác phòng chống tệ nạn xã hội; Lâm Thị Huỳnh T – Công chức: Được giao phụ trách các hoạt động Bảo vệ và chăm sóc trẻ em; Bình đẳng giới; Chính sách người có công cách mạng.

Trong năm 2018 - năm 2019, bị cáo Lê Thị Mỹ H1 với vai trò Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và xã hội thành phố T, Chủ tài khoản đơn

vị, đã lợi dụng chức vụ quyền hạn được giao, chỉ đạo cấp dưới gồm các bị cáo Trần Văn Q, Lê Thị Thanh L1, Nguyễn Thanh B, Thi Hải Y, Đỗ Văn N, Lâm Thị Huỳnh T cùng thống nhất nhiều lần thực hiện hành vi lập chứng từ khống để thanh quyết toán tổng số tiền 687.893.000 đồng từ các nguồn kinh phí không tự chủ, như: (1) Nguồn kinh phí chi đám tang, thăm bệnh người có công với Cách M; cán bộ hưu trí; hộ nghèo, hộ bảo trợ xã hội (hộ khó khăn, người cao tuổi); (2) Nguồn kinh phí hoạt động bảo vệ và chăm sóc trẻ em; (3) Nguồn kinh phí phục vụ đội kiểm tra Liên ngành 178; (4) Nguồn kinh phí phục vụ hoạt động thu gom đổi tượng ăn xin, lang thang, cơ nhỡ; (5) Nguồn kinh phí thăm người khuyết tật; (6) Nguồn kinh phí chi văn phòng phẩm phục vụ hoạt động công tác bảo trợ xã hội theo Nghị định 136/2013/NĐ-CP (Bảo trợ xã hội và giảm nghèo); (7) Nguồn kinh phí hoạt động Bình đẳng giới; (8) Nguồn kinh phí chi Hội thảo việc làm; Cụ thể như sau:

Năm 2018:

* Tổng rút dự toán: 1.920.778.000 đồng, trong đó:

+ Chi thực tế: 1.489.906.000 đồng (Trong đó chứng từ chi chưa đảm bảo thủ tục thanh quyết toán 32.500.000 đồng)

+ Lập chứng từ khống thanh quyết toán: 430.872.000 đồng.

Trong số tiền lập chứng từ khống để thanh quyết toán: 430.872.000 đồng nêu trên, dưới sự chỉ đạo của bị cáo H1, tất cả các bị cáo thống nhất lấy tiền chia đều và sử dụng vào mục đích cá nhân cho 07 bị cáo, tổng cộng 174.400.000 đồng, cụ thể: Trong dịp Tết Dương Lịch năm 2019 mỗi bị cáo nhận 1.000.000 đồng, Tết Nguyên Đ năm 2019 mỗi bị cáo nhận 6.265.000 đồng, Lì xì hộp mặt cho 07 bị cáo 1.400.000 đồng (200.000 đồng/ người); Cả 07 bị cáo tổ chức cùng đi tham quan du lịch tại H 39.322.000 đồng, cùng mua quần, áo tổng cộng 7.339.000 đồng, cùng đi dự tiệc cưới 14.700.000 đồng, cùng đi ăn cuối tuần hoặc cuối tháng 28.731.000 đồng, cùng tổ chức sinh nhật cho 07 bị cáo 9.575.000 đồng, cùng đi uống cà phê, ăn sáng trong năm 22.478.000 đồng (BL 3770-378).

Ngoài ra, bị cáo Lê Thị Mỹ H1 còn trực tiếp chỉ đạo các bị cáo Thi Hải Y (Thủ quỹ); Nguyễn Thanh B (Kế toán) chi nhiều khoản chi không đúng với mục chi từ việc lập chứng từ khống thanh quyết toán của nguồn kinh phí không tự chủ nêu trên gây thất thoát, lãng phí tài sản nhà nước với tổng số tiền 182.202.000 đồng. Trong đó, Lì xì và chi phí hộp mặt đầu năm sau Tết Nguyên Đán 2019 cho cán bộ phường, xã là thành viên đội 178 và thu gom số tiền 13.795.000 đồng do bị cáo Trần Văn Q và Đỗ Văn N phụ trách; Lãnh đạo và cán bộ phòng tiếp khách 51.088.000 đồng, mua bia cho lãnh đạo phòng dự tổng kết năm của ban ngành và phường, xã 7.550.000 đồng, mua quà tặng cho cán bộ kho bạc và cán bộ hưu trí, cúng đầu năm 11.434.000 đồng, chi kinh phí cho cán bộ của phòng đi công tác 2.000.000 đồng, mua dụng cụ văn phòng phẩm 4.415.000 đồng, thăm bệnh cán bộ phòng, cán bộ ban ngành và phường, xã T 20.000.000 đồng, đóng góp quỹ ủng hộ mái ấm công đoàn, quỹ khuyến học, thiên tai phòng chống lụt bão và người nghèo 4.320.000 đồng; mua bông tết 1.100.000 đồng, thuê phương tiện (xe taxi)

đi thăm đối tượng ở Trung tâm bảo trợ xã hội và trung tâm cai nghiện ma túy 500.000 đồng, chi trả các khoản thiếu hụt mà Phòng đã sử dụng của các năm trước 34.000.000 đồng, do bị cáo Lâm Thị Huỳnh T phụ trách ký chứng từ; C cho các đơn vị bán hàng xuất hóa đơn không để nộp thuế xuất hóa đơn 4.000.000 đồng, giữ tiền mặt tại Phòng 28.000.000 đồng từ nguồn kinh phí thăm người khuyết tật đã dự toán đầu năm do bị cáo Y – Thủ quỹ kiêm cán bộ phụ trách và bị cáo B - Kế toán đơn vị lập chứng từ quyết toán để tiếp tục chi cho các hoạt động chung của Phòng.

Còn số tiền 74.270.000 đồng, qua điều tra thực tế có chi cho đối tượng thuộc diện chính sách được hưởng đúng nguồn kinh phí được cấp. Tuy nhiên trên chứng từ thanh quyết toán ghi không đúng nội dung chi là sai về thủ tục quyết toán nhưng không gây hậu quả, thiệt hại nên không có cơ sở xem xét trách nhiệm hình sự.

Năm 2019:

* Tổng rút dự toán: 847.185.000 đồng, trong đó:

+ Chi thực tế: 590.164.000 đồng (Trong đó chứng từ chi chưa đảm bảo thủ tục thanh quyết toán 13.300.000 đồng).

+ Lập chứng từ không thanh quyết toán: 257.021.000 đồng.

Trong tổng số tiền 257.021.000 đồng do lập chứng từ không thanh quyết toán nêu trên, các bị cáo là lãnh đạo và cán bộ của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố T bàn bạc thống nhất chiếm đoạt tổng số tiền 93.285.000 đồng để sử dụng vào mục đích cá nhân như: Chia đều cho 07 bị cáo dịp Tết Nguyên Đán năm 2020, mỗi bị cáo nhận 5.990.000 đồng, Tết Dương Lịch năm 2020, mỗi bị cáo nhận 1.000.000 đồng; Lễ 30/4 năm 2020, mỗi bị cáo nhận 1.000.000 đồng; Lễ 02/9 năm 2020, mỗi bị cáo nhận 1.000.000 đồng, cùng tổ chức đi tham quan du lịch tại cù lao L 6.260.000 đồng, mua quần áo cho 07 bị cáo 8.411.000 đồng, cùng đi ăn uống cuối tuần hoặc cuối tháng 7.632.000 đồng, cùng tổ chức sinh nhật 2.000.000 đồng; cùng đi uống cà phê, ăn sáng 6.052.000 đồng.

Ngoài ra, bị cáo Lê Thị Mỹ H1 còn trực tiếp chỉ đạo các bị cáo Thi Hải Y (Thủ quỹ); Nguyễn Thanh B (Kế toán) Tổng hợp lập không chứng từ để chi nhiều khoản chi không đúng quy định từ các nguồn kinh phí không tự chủ gây thất thoát, lãng phí tài sản nhà nước với tổng số tiền 111.330.000 đồng. Trong đó, lãnh đạo và cán bộ của phòng cùng tiếp khách 39.772.000 đồng, mua bia cho lãnh đạo phòng dự tổng kết năm của ban ngành và phường, xã 4.750.000 đồng, mua quà tặng cho cán bộ cán bộ hưu trí 1.795.000 đồng, chi kinh phí cho cán bộ của phòng đi công tác 1.000.000 đồng, mua dụng cụ văn phòng phẩm 6.460.000 đồng, thăm bệnh cán bộ phòng, cán bộ ban ngành và phường, xã T 25.113.000 đồng, đóng góp quỹ ủng hộ mái ấm công đoàn, quỹ khuyến học, thiên tai phòng chống lụt bão và người nghèo 5.680.000 đồng; Bù tiền mua bảo hiểm cho người có công cách mạng 810.000 đồng do bị cáo Lâm Thị Huỳnh T phụ trách ký chứng từ; C cho các đơn vị bán hàng xuất hóa đơn không để nộp thuế xuất hóa đơn 4.000.000 đồng, giữ tiền mặt tại Phòng 22.000.000 đồng từ nguồn kinh phí thăm người khuyết tật đã dự toán đầu năm do bị cáo Y – Thủ quỹ, kiêm cán bộ phụ trách và

bị cáo B - Kế toán đơn vị Tổng hợp lập chứng từ quyết toán để tiếp tục chi cho các hoạt động của Phòng.

Còn số tiền 52.406.000 đồng, qua điều tra thực tế có chi cho đối tượng thuộc diện chính sách được hưởng đúng nguồn kinh phí được cấp. Tuy nhiên trên chứng từ thanh quyết toán ghi không đúng nội dung chi là sai về thủ tục quyết toán nhưng không gây hậu quả, thiệt hại nên không có cơ sở xem xét trách nhiệm hình sự.

* Kết quả trưng cầu giám định lĩnh vực Tài chính – Kế toán đối với toàn bộ chứng từ thu chi và tài liệu liên quan đến số tiền 430.877.000 đồng trong năm 2018:

- Tại Kết luận giám định ngày 04 tháng 01 năm 2022 kết luận: Việc lập chứng từ thanh, quyết toán số tiền 430.877.000 đồng và lấy sử dụng là: Vi phạm khoản 3 Điều 18; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 65 Luật ngân sách nhà nước năm 2015; Vi phạm khoản 4 Điều 5; khoản 3 Điều 6; khoản 1 Điều 13 Luật kế toán năm 2015; Vi phạm khoản 3 Điều 27 Luật Thực hành, tiết kiệm chống lãng phí năm 2013; Vi phạm điểm d khoản 1 Điều 2 Luật phòng chống tham nhũng năm 2018.

Số tiền 430.872.000 đồng đây là số tiền quyết toán chưa đúng quy định từ nguồn ngân sách nhà nước nên gây hậu quả thiệt hại cho Nhà nước. Hậu quả thiệt hại được xác định tại thời điểm quyết toán được duyệt (BL 1226-1227).

* Kết quả trưng cầu giám định bổ sung lĩnh vực Tài chính – Kế toán đối với toàn bộ chứng từ thu chi và tài liệu liên quan đến số tiền 257.021.000 trong năm 2019:

- Tại Kết luận giám định ngày 21 tháng 11 năm 2022 kết luận: Việc lập chứng từ thanh, quyết toán số tiền 257.021.000 đồng và lấy sử dụng là Vi phạm khoản 3 Điều 18; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 65 Luật ngân sách nhà nước năm 2015; Vi phạm khoản 4 Điều 5; khoản 3 Điều 6; khoản 1 Điều 13 Luật kế toán năm 2015; Vi phạm khoản 3 Điều 27 Luật Thực hành, tiết kiệm chống lãng phí năm 2013; Vi phạm điểm d khoản 1 Điều 2 Luật phòng chống tham nhũng năm 2018.

Số tiền 257.021.000 đồng quyết toán chưa đúng quy định từ nguồn ngân sách nhà nước nên gây hậu quả thiệt hại cho Nhà nước. Hậu quả thiệt hại được xác định tại thời điểm Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố T thẩm định quyết toán năm 2019 của đơn vị (Thông báo số 33/TB-TCKH ngày 04/5/2020 của Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố T) (BL 1228-1229).

* Cơ quan điều tra có thu giữ tài liệu, sổ sách: Được lưu vào hồ sơ vụ án.

Như vậy, trong số tiền 687.893.000 đồng các bị cáo đã bàn bạc, thống nhất lập chứng từ khống quyết toán chiếm đoạt nhiều lần tổng số tiền 267.685.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo Lê Thị Mỹ H1 trực tiếp chỉ đạo các bị cáo Thi Hải Y và Nguyễn Thanh B theo dõi, Tổng hợp, lập chứng từ khống thanh quyết toán chi sai quy định từ nguồn kinh phí không tự chủ gây thất thoát, lãng phí tài sản nhà nước

với tổng số tiền 293.532.000 đồng. Trong đó, bị cáo Lâm Thị Huỳnh T chịu trách nhiệm tổng số tiền 221.737.000 đồng.

Đối với số tiền 126.676. 000 đồng, thực tế có chi cho đối tượng thuộc diện chính sách được hưởng và thăm viếng nghĩa trang. Phòng Lao động thành phố được chỉ theo quy định nhưng không đưa nội dung vào chứng từ để thanh quyết toán là sai về thủ tục quyết toán, nhưng không gây hậu quả, thiệt hại nên không xem xét trách nhiệm hình sự.

Theo kết luận thanh tra năm 2018 - năm 2019, trong tổng số tiền chi thực tế có 45.800.000 đồng chứng từ chi vượt định mức và chi chưa đảm bảo thủ tục theo quy định. Qua điều tra đối chiếu trong tổng số tiền 45.800.000 đồng, có 35.800.000 đồng chi từ nguồn kinh phí bảo trợ xã hội đúng theo Quyết định 3449/QĐ-UBND ngày 05/9/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Trà Vinh; 10.000.000 đồng chi từ nguồn hoạt động chăm sóc và bảo vệ trẻ em năm 2018 thực tế có chi nhưng không đưa nội dung vào chứng từ để thanh quyết toán là sai về thủ tục quyết toán, nhưng không gây hậu quả, thiệt hại nên không xem xét trách nhiệm hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2023/HS-ST ngày 14/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh quyết định:

Tuyên bố

- Bị cáo Lâm Thị Huỳnh T phạm tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm a, c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự và tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí” theo quy định tại khoản 1 Điều 219 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Căn cứ điểm a, c, d khoản 2 Điều 353; khoản 1 Điều 219; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 17, Điều 55, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lâm Thị Huỳnh T 02 (hai) năm tù về tội “Tham ô tài sản”; xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí”. Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra Bản án còn tuyên bố về tội danh, quyết định hình phạt đối với 06 bị cáo khác. Quyết định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định bị cáo Lâm Thị Huỳnh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo đối với tội “Tham ô tài sản” đồng thời cho rằng bị cáo không phạm tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí”.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo và ý kiến phát biểu bào chữa cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời khai nhận của bị cáo, và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đánh giá khách quan toàn diện và đầy đủ chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong hai năm, từ năm 2018, năm 2019 bị cáo Lê Thị Mỹ H1 với vai trò Trưởng phòng Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố T, Chủ tài khoản đơn vị đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao đã chỉ đạo cấp dưới gồm các bị cáo Trần Văn Q, Lê Thị Thanh L1, Nguyễn Thanh B, Thi Hải Y, Đỗ Văn N, Lâm Thị Huỳnh T cùng thống nhất nhiều lần thực hiện hành vi lập chứng từ không theo từng lĩnh vực cá nhân được phân công để thanh quyết toán tổng số tiền 687.893.000 đồng trong các nguồn kinh phí không tự chủ được cấp từ Ngân sách của Nhà nước, các bị cáo đã chiếm đoạt tổng số tiền 267.685.000 đồng để sử dụng vào mục đích cá nhân. Ngoài ra, bị cáo Lê Thị Mỹ H1 trực tiếp chỉ đạo bị cáo Thi Hải Y và bị cáo Nguyễn Thanh B theo dõi, Tổng hợp lập chứng từ không cho từng cá nhân phụ trách ký thanh quyết toán sai quy định gây thất thoát, lãng phí tài sản nhà nước với tổng số tiền 293.532.000 đồng. Trong đó, bị cáo Lâm Thị Huỳnh T ký chứng từ chịu trách nhiệm với tổng số tiền 221.737.000 đồng.

Với những hành vi và hậu quả nêu trên; Bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lâm Thị Huỳnh T cùng các đồng phạm khác về tội “Tham ô tài sản” và “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí” theo quy định tại điểm a, c, d khoản 2 Điều 353 và khoản 1 Điều 219 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ đúng pháp luật.

[2] Xét đơn kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bản án sơ thẩm đã xem xét và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đồng thời xem xét đánh giá vai trò của bị cáo để xử phạt 02 năm tù về tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự là đã xem xét chiếu cố giảm nhẹ cho bị cáo bởi lẽ; khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự có mức án từ 07 năm đến 15 năm tù. Tại cấp phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ nào mới để áp dụng cho bị cáo được hưởng án treo; do vậy nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo không được chấp nhận.

Đối với kháng cáo cho rằng bị cáo không phạm tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí”. Hội đồng xét xử xét thấy; Bị cáo thừa nhận có ký vào một số chứng từ không. Cơ quan điều tra đã chứng minh được hành vi của bị cáo T ký chứng từ là nguyên nhân điều kiện để thanh quyết toán sử dụng tiền làm thất thoát, lãng phí ngân sách của nhà nước. Do vậy Bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí” theo quy định tại khoản 1 Điều 219 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 với vai trò đồng phạm là có căn cứ. Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo khác không kháng cáo. Từ nhận định trên xét thấy nội dung kháng cáo kêu oan về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử

dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí” của bị cáo T là không có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Buộc bị cáo Lâm Thị Huỳnh T, phải nộp án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Lâm Thị Huỳnh T. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2023/HS-ST ngày 14/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ khoản 2 Điều 268, khoản 1 Điều 269 Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

Tuyên bố:

- Bị cáo Lâm Thị Huỳnh T phạm tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm a, c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự và tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí” theo quy định tại khoản 1 Điều 219 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Căn cứ điểm a, c, d khoản 2 Điều 353; khoản 1 Điều 219; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 17, Điều 55, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lâm Thị Huỳnh T 02 (hai) năm tù về tội “Tham ô tài sản”; xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí”. Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lâm Thị Huỳnh T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Trà Vinh; (2)
- VKSND tỉnh Trà Vinh; (1)
- Công an tỉnh Trà Vinh; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh; (1)
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh; (1)
- Trại tạm giam Công an tỉnh Trà Vinh; (2)
- Bị cáo Lâm Thị Huỳnh Thơ; (1)
- Lưu VT (5), HS (2) (Án Tâm -KT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Xuân Thành

